

GIÁO DỤC KHOA CỬ QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG DƯỚI TRIỀU NGUYỄN QUA TƯ LIỆU VĂN BIA ĐỊA PHƯƠNG

Nhận bài:

23 – 09 – 2015

Chấp nhận đăng:

30 – 11 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Nguyễn Hoàng Thân

Tóm tắt: Quảng Nam - Đà Nẵng - vùng địa linh nhân kiệt, với truyền thống hiếu học lâu đời đã hun đúc biết bao người tài cho đất nước và địa phương, lưu tiếng thơm trong sử sách, đề tên trên bia đá trường tồn. Quảng Nam - Đà Nẵng là một trong những địa phương còn lưu lại nhiều bí kí liên quan đến giáo dục khoa cử dưới thời phong kiến. Những văn bản văn bia này vừa là tư liệu để nghiên cứu về giáo dục khoa cử Quảng Nam - Đà Nẵng vừa là di sản có giá trị làm gương soi cho hậu thế. Bài viết này sẽ trình bày những vấn đề giáo dục khoa cử của Quảng Nam - Đà Nẵng xưa qua nguồn tư liệu văn bia địa phương trên các phương diện: (1) Tình hình văn bia liên quan đến giáo dục khoa cử của Quảng Nam - Đà Nẵng; (2) Những nội dung biểu đạt về giáo dục khoa cử của Quảng Nam - Đà Nẵng được khắc ghi trong những văn bia này: vùng đất học truyền thống lâu đời, những quan niệm và sự quan tâm đến khuyến học, đội ngũ sĩ tử khoa hoạn... Kết quả nghiên cứu của bài viết này góp phần giúp người đọc hiểu hơn về giáo dục khoa cử của địa phương và đóng góp cho sự nghiệp khuyến học hiện nay để thế hệ trẻ càng tự hào về truyền thống “học trò đất Quảng”.

Từ khóa: Quảng Nam - Đà Nẵng; văn bia Quảng Nam; giáo dục khoa cử; truyền thống khoa bảng; đội ngũ trí thức.

1. Đặt vấn đề

Quảng Nam - Đà Nẵng là vùng đất khoa bảng, với những danh xưng “Tứ hổ”, “Tứ kiệt”, “Ngũ phụng tê phi”, “Lục phụng bắt tê phi”, từng nổi tiếng một thời và trở thành truyền thống của vùng đất mà trước đó đã có nếp “học trò thì chăm học hành” như Dương Văn An đã viết trong Ô châu cận lục, hay sau này “do ở núi sông thanh tú cho nên nhiều người tư chất thông tuệ dễ học hành, sĩ phu có khí tiết cứng cỏi, ngay thẳng dám nói”, “quân tử biết giữ phận mà hổ thẹn việc bên cạnh” theo nhận định của Quốc sử quán triều Nguyễn trong Đại Nam nhất thống chí. Truyền thống hiếu học của đất Quảng được lưu lại trong biết bao sử sách và trên những bia đá tro gan cùng tuế nguyệt. Ngày xưa, sĩ tử đỗ đạt được ghi danh trên bảng vàng bia đá; ngày nay, bia đá

lại là những trang sử chân xác mà độc bản để nghiên cứu về nền giáo dục khoa cử xưa của đất nước nói chung và của đất Quảng nói riêng.

2. Sự phát triển giáo dục khoa cử Quảng Nam dưới thời phong kiến

Quảng Nam là một vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Con người có mặt ở đây ngay từ thời tiền sử, ít nhất là từ giai đoạn trung kỳ đá mới. Đến đầu Công nguyên, trên cơ sở nền văn hóa Sa Huỳnh, tại đây đã ra đời tiểu quốc phía Bắc của người Chăm. Đến giữ thế kỷ II, vương quốc Champa được thành lập và đất Quảng Nam thuộc về khu vực Amaravati của quốc gia Champa. Từ sau đám cưới Huyền Trân - Chế Mân vào năm 1306, nửa phía Bắc của đất Quảng Nam thuộc về lãnh thổ của quốc gia Đại Việt dưới thời Trần. Đến năm 1402, dưới thời nhà Hồ, nửa phía Nam của Quảng Nam tiếp tục được đặt dưới sự quản lý của nhà nước phong kiến Đại Việt. Nhưng phải đến thời Lê Thánh Tông, vào năm 1471, khi Thừa tuyên đạo Quảng Nam ra đời thì

* Liên hệ tác giả

Nguyễn Hoàng Thân

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Email: hoangthan@yahoo.com

công tác khai khẩn và phát triển làng xã ở đây mới đạt được những thành tựu to lớn và tổ chức làng xã dần dần đi vào giai đoạn ổn định. Sau đó việc học hành và thi cử của sĩ tử Quảng Nam được vua Lê Thánh Tông dụ cho Tham chính Phạm Bá Tông (dưới quyền Phạm Nhữ Tằng) chăm lo từ năm Hồng Đức 19 - 1488, đánh dấu sự khởi đầu con đường khoa cử của Quảng Nam.

Đến thời chúa Nguyễn Hoàng vào trấn trị Thuận - Quảng thì mảnh đất Quảng Nam trở thành bàn đạp cho công cuộc Nam tiến của chúa Nguyễn. Cũng trong giai đoạn này, cả về kinh tế và văn hóa của Quảng Nam đều có nhiều tiến bộ. Các chúa Nguyễn bước đầu tổ chức các hoạt động giáo dục và thi cử tại đây, mở khoa thi Nhiều học và Hoa văn đầu tiên cho hai xứ Thuận Quảng vào năm 1632 dưới thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên, khiến cho nhân tài của đất Quảng cũng bắt đầu xuất hiện. Đến thời Nguyễn, Quảng Nam liền kề đất kinh kỳ Phú Xuân, sĩ tử Quảng Nam có điều kiện tham gia các kỳ thi do nhà Nguyễn tổ chức tại Huế, khiến cho tầng lớp trí thức đất Quảng ngày một phát triển, khoa bảng Quảng Nam ngày một đông đúc. Quảng Nam trở thành một trong những vùng “đất học” của cả nước, được vua Thành Thái khen ngợi là đất “Ngũ phụng tề phi”.

Gắn với sự nghiệp bút nghiên, khoa hoạn, dưới thời phong kiến, các làng xã, các địa phương có người học hành, khoa cử, đỗ đạt đều thường thành lập những hội Tư văn, xây dựng văn miếu, văn từ, văn chỉ. Dưới thời Nguyễn, ngoài văn miếu trung ương, mỗi tỉnh có một văn miếu cấp tỉnh (gồm 27 văn miếu cấp tỉnh: Văn miếu Lạng Sơn, Văn miếu Cao Bằng, Văn miếu Thái Nguyên, Văn miếu Tuyên Quang, Văn miếu Hưng Hóa, Văn miếu Sơn Tây, Văn miếu Quảng Yên, Văn miếu Hà Nội, Văn miếu Bắc Ninh, Văn miếu Hải Dương, Văn miếu Hưng Yên, Văn miếu Ninh Bình, Văn miếu Nam Định, Văn miếu Thanh Hóa, Văn miếu Nghệ An, Văn miếu Quảng Trị, Văn miếu Quảng Nam, Văn miếu Quảng Ngãi, Văn miếu Bình Định, Văn miếu Khánh Hòa, Văn miếu Bình Thuận, Văn miếu Biên Hòa, Văn miếu Gia Định, Văn miếu Vĩnh Long, Văn miếu (đạo) Thừa Thiên (đạo), Văn miếu (đạo) Hà Tĩnh (đạo), Văn miếu (đạo) Phú Yên) và các di tích nho học khác ở hàng huyện. Đây là những di tích có công năng thờ tự nho học ở làng xã, là nơi để những người có học tham gia sinh hoạt chữ nghĩa thánh hiền, đồng thời là nơi đã từng phát huy truyền

thống khoa bảng của một vùng từ lâu và tiếp nối truyền thống hiếu học của địa phương hiện nay.

Quảng Nam cũng có nhiều di tích liên quan đến giáo dục, khoa cử của địa phương. Theo Dương Văn Út, Quảng Nam đến thế kỉ XIX có 5 khu văn miếu lớn: Cẩm Phô miếu (Tp. Hội An, đầu thế kỉ XIX), Văn miếu Chiên Đàn hay Khổng miếu (Tp. Tam Kỳ, năm 1840), Văn miếu Hàng huyện (huyện Duy Xuyên, năm 1850 - 1860), Văn miếu Hà Lam (huyện Thăng Bình, năm 1856) và Cồn Văn miếu (huyện Đại Lộc, cuối thế kỉ XIX) và 3 văn miếu khác là Văn từ phủ Điện Bàn, Văn miếu Hội An, Văn chỉ Minh Hương [12].

3. Văn bia văn thánh trên vùng đất học Quảng Nam

Trong những di tích về nho học ấy vẫn còn lưu lại ít nhất 15 văn bia kí thuật truyền thống khoa bảng của Quảng Nam - Đà Nẵng xưa (những văn bia sử dụng dấu gạch chân để chỉ văn bia vốn không có tiêu đề nhưng đã được Viện Nghiên cứu Hán Nôm ghi tên như vậy; những văn bia sử dụng dấu sao để chỉ văn bia vốn không có tiêu đề nhưng do chúng tôi tạm đặt tên như vậy để dễ quản lý và nghiên cứu. Xem thêm [10]):

- *Văn thánh từ* (N⁰ 19321) lập năm Tự Đức thứ 24 - 1871, do Đặng Huy Trứ soạn, hiện lưu tồn ở thành phố Hội An.

- *Kiến học từ bi* (N⁰ 20386) lập năm Tự Đức 26 - 1873, do Phạm Hữu Nghi soạn, hiện lưu tồn ở thị xã Điện Bàn.

- Vô đề (*Minh Hương đình Tự Đức nhị thập bát niên bi 1**) và Vô đề (*Minh Hương đình Tự Đức nhị thập bát niên bi 2**) đều lập năm Tự Đức 28 - 1875, do Đặng Huy Trứ soạn, hiện lưu tồn tại thành phố Hội An.

- *Văn thánh từ bi kí* (N⁰ 20384) lập năm Tự Đức thứ 30 - 1877, không ghi người soạn, hiện lưu tồn ở thị xã Điện Bàn.

- *Văn từ* (N⁰ 20387) lập năm Thành Thái thứ 13 - 1901, do Phạm Tuấn soạn, hiện lưu tồn ở thị xã Điện Bàn.

- *Trùng tu văn chỉ bi kí* (N⁰ 20385) lập năm Duy Tân thứ 9 - 1915, do Phạm Như Xương soạn, lưu tồn ở huyện Điện Bàn.

- Vô đề (*Thánh miếu tự điền bi**) (N⁰ 20392) lập năm Khải Định 08 - 1923, không ghi người soạn.

- 7 văn bia văn thánh Lễ Dương trên địa bàn huyện Thăng Bình hiện nay (không rõ những văn bia này trong thập niên 40 của thế kỉ XX bị lưu tán ở đâu mà không có thác bản in rập của Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội), trong đó có 5 tấm dựng đầu tiên vào năm Thành Thái thứ 8 (1896) với người khởi xướng và duyệt nội dung là Phó bảng Nguyễn Thuật, người khởi thảo nội dung là Cử nhân Nguyễn (Hữu) Quang, sau đó có sự giúp sức khảo cứu lại của Tả Trực đạo Ngự sử Lê Bá Hoan và Đốc học Nguyễn Trạc, đồng thời cũng là người viết lời bạt, người viết chữ vào bia là Tú tài Võ Vĩ; một bia chưa xác định rõ niên đại, do Tú tài Nguyễn Kinh viết chữ vào bia; một bia lập vào năm 1939 về sau - theo thông tin niên đại trong nội dung văn bia [2, tr.20].

4. Truyền thống khoa bảng Quảng Nam còn lưu trên những trang sử đá

4.1. Quảng Nam - Đà Nẵng vốn từ lâu là vùng đất học

Không chỉ những văn bia thuần túy về giáo dục khoa cử mới nhắc đến việc học hành khoa hoạn của Quảng Nam - Đà Nẵng mà có nhiều văn bia thuộc các công năng khác (bia đình, bia chùa, bia miếu, bia mộ...) cũng nói lên vùng đất học lâu đời của Quảng Nam - Đà Nẵng, như văn bia Mô chí Lê công - Tiên hiền xã Cẩm Phố khẳng định vùng đất học Quảng Nam: “Còn văn hiến (học hành) thì đất này cũng vui thích, nên đỗ đạt cao, làm quan lớn cũng chẳng thiếu người” [6].

Truyền thống giáo dục khoa cử Quảng Nam hình thành từ rất sớm, thậm chí từ khi ở địa phương còn chưa có cơ sở phụng tự về biểu trưng của nền Nho học, như lời văn bia ở văn thánh xã Minh Hương đã ghi: “明鄉從古未有聖祠而科宦者相繼大哉 = Minh Hương tông cổ vị hữu thánh từ, nhi khoa hoạn giả tương kế, đại tai = Xã Minh Hương xưa nay chưa có thánh từ mà khoa hoạn được kế tiếp đỗ đạt, thật việc lớn thay” [13]. Song, mọi người vẫn ý thức được việc xây dựng văn thánh, “việc thờ thánh là việc lớn vậy” (夫祀聖大事也 *phù, tự thánh đại sự dã*) và cần phải “ghi lời văn đề truyền lại đời sau” (文以傳世也 *văn dĩ truyền thế dã*) [13], hay “學祠之建所以祀其教也 *học từ chi kiến sở dĩ tự kì giáo dã* = Việc xây dựng học từ là để thờ tự đại on dạy dỗ” [4].

4.2. Quảng Nam - Đà Nẵng luôn quan tâm đến khuyến học

Trước hết là những quan niệm về việc khuyến học. Đó là nội dung ca ngợi Khổng giáo và những giá trị muôn thuở của nhân tài trải qua giáo dục, thi cử, đỗ đạt, làm quan. “Ở đời, khoa hoạn là điều trân quý và nhân tài là chuyện quan trọng. Khoa hoạn cố nhiên được lưu truyền thì nhân tài lẽ nào chẳng thể không lưu truyền” [2, tr.105].

Kế nữa là việc quan tâm đến xây dựng các công trình kiến trúc Nho học để khuyến dương việc học. Mặc dầu với hoàn cảnh nhiều khó khăn như: “những vị tiền bối trong làng qua đời” (như những nhân vật Trương Chí Thi, Lí Thái Hồng có nhiều công tích với làng. Trương Chí Thi là người được nhắc đến trong Trùng tu Cẩm Hải nhị cung: “Năm Tự Đức, Mậu Thân, Tú Tài khoa hương Trương Chí Thi tiên sinh làm lại cửa tam quan trước chùa” [11]), “đỉnh số giảm bớt”, “bạc thuế lại tăng lên”, “nguồn lợi ở chợ bị thất thu”, “đường mua bán ứ đọng”, “nạn đói khát năm Giáp Tý, cuộc hỏa tai năm Ất Sửu”, “miếu thờ Thần, chùa thờ Phật bị hư hoại mà chưa tu bổ”, “vườn miếu hư khuyết”, “tâm và lực không tiếp nối nhau mà hương khói một ngày thêm tàn lạnh”... [13] nhưng nhân sĩ, quan viên ở Quảng Nam - Đà Nẵng lúc bấy giờ vẫn ra sức cố gắng thực hiện xây dựng văn thánh. Hay như các bia Văn từ, Kiến học từ bi, Trùng tu văn chỉ bi kí nói đến việc đóng góp tiền của tu sửa văn từ; bia Văn thánh từ bi kí nêu cụ thể từng hạng mục trùng tu như chính đường, bãi đường, 2 chái đông tây... của di tích bị đổ nát sau 30 năm để xiển dương nền giáo dục, khoa cử của địa phương. Và, khi có văn thánh rồi thì văn thánh lại là động lực vô hình thúc đẩy, khuyến khích việc học, tạo nên một truyền thống hiếu học ở đất Quảng. Không chỉ có quan niệm về ý nghĩa của việc xây dựng văn miếu, sĩ nhân ở Quảng Nam - Đà Nẵng còn tự thức được truyền thống tôn sư trọng đạo: “古人者入學則有致敬於先師禮則然矣 *cổ nhân giả, nhập học tắc hữu trí kính ư tiên sư, lễ tắc nhiên hĩ* = người xưa, khi đã nhập học thì rất mực tôn kính tiên sư, lễ đã là như vậy” [4].

Văn bia giáo dục khoa cử Quảng Nam - Đà Nẵng còn mang ẩn những triết lí thực tế đời thường nhưng lại vô cùng sâu sắc như vốn có của bi kí của chữ thánh hiền: “Biết rằng xưa nay, các bậc khoa hoạn nổi tiếng, nhân vật trứ danh được mọi người truyền nhau xưng tụng, bia đá bắt tất phải ghi chép điều đó làm gì! Nhưng sự việc ấy nếu để lâu năm thì truyền tụng theo thời gian sẽ mất đi tính chân thật, khiến hậu thế khi chiêm ngưỡng, muốn tận mắt xem thấy công lao của họ, tưởng tận về ngôi thứ đỗ đạt khoa danh của tiền nhân, chẳng

phải than thở vì thiếu căn cứ làm bằng, do vậy các bia đá này dựng lên đâu phải là chuyện vô bổ vậy. Sau này người theo đường khoa hoạn kể nhau đồn đãi, nhân vật tài danh xuất hiện ngày một đông, huân danh sự nghiệp lừng lẫy ấy tất nhiên đáng được lưu truyền, thì mô phỏng việc làm này để khắc tiếp vào bia. Như thế từ nay về sau, bậc quân tử ai dám xem thường” [2, tr.107].

Bên cạnh đó, Quảng Nam xưa cũng đã thành lập Hội Minh Văn bao gồm những người nho sĩ có học thức, chức vị, được thể hiện trong 2 văn bia ở đình tiền hiền Minh Hương (*Minh Hương đình Tự Đức nhị thập bát niên bi 1**, *Minh Hương đình Tự Đức nhị thập bát niên bi 2**) do Đặng Huy Trứ soạn vào năm Tự Đức thứ 28 (1875).

4.3. Đội ngũ khoa bảng Quảng Nam - Đà Nẵng lưu danh muôn thuở

Văn bia Quảng Nam (không kể đến những văn bia khoa cử tại văn miếu Huế có đề tên người đỗ đạt của Quảng Nam) còn cung cấp nhiều thông tin về đội ngũ học sĩ, khoa bảng của Quảng Nam - Đà Nẵng qua danh sách những người tham gia Hội Tư văn; những người tham gia tổ chức thực hiện xây dựng, trùng tu văn miếu; những người đóng góp công đức để xây dựng, trùng tu văn miếu; những người tham gia soạn lập văn bia ở các di tích lịch sử - văn hóa khác hoặc những người tham gia công đức cho các di tích lịch sử - văn hóa khác. Văn bia *Trùng tu văn chỉ bi kí* khắc tên 80 vị từ học sinh đến Tiến sĩ. Văn bia *Kiến học từ bi* liệt kê tính danh những vị viên quan, khoa bảng, chức tước trong Hội đã cúng đất và tiền theo thứ tự ghi trong văn bia là: 3 vị Tiến sĩ (Nguyễn Tường Phổ (阮祥普 (1807 - 1856), tự Quán Thúc, Hi Nhân, hiệu Thứ Trai. Em trai cùng cha khác mẹ với Nguyễn Tường Vĩnh, con Bình bộ Thượng thư, Phó Tổng trấn Bắc thành Nguyễn Tường Vân. Quê làng Cẩm Phô, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc Tp. Hội An). Đỗ Cử nhân năm 1841, đỗ Tiến sĩ năm 1842. Giữ các chức: Hàn lâm viện Biên tu, Tri phủ Hoàng An (Bến Tre), Tri phủ Tân An (Gia Định), Giáo thụ Điện Bàn, Quyền đốc học tỉnh Hải Dương [8, tr.230]), Phạm Phú Thứ (范富庶 (1821 - 1882), tự Thúc Minh, Giáo Chi, hiệu Trúc Đường, biệt hiệu Giá Viên, Trúc Ân, Giang Thụ Sào, Nông Giang Điều Đồ, thụy Văn Ý Công (vua Tự Đức ban). Quê xã Đông Bàn, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Điện Trung, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Đỗ đầu xứ năm 1839, đỗ Tú tài năm 1840, đỗ thủ khoa Cử nhân năm 1842, đỗ thủ khoa Hội thí, đầu bảng Đệ tam giáp Tiến sĩ Ân khoa năm

1843. Giữ chức: Biên tu, Tri phủ Lạng Giang (Bắc Giang), Thị độc, Hàn lâm viện Điển tịch, Tri phủ Tư Nghĩa (Quảng Ngãi), Viên ngoại lang bộ Lễ, Án sát sứ Thanh Hóa, Án sát sứ Hà Nội, Hàn lâm viện Thị độc Đại học sĩ, Tham biện Nội các Sự vụ, Thị lang, Thự Tả tham tri, Khâm sai đại thần, Phó sứ (đi sang Tây), Tả tham tri bộ Lại, cử vào Viện cơ mật, kiêm coi Viện Tập hiền, Tổng đốc Hải An kiêm sung Tổng lí thương chánh đại thần, Thự Hiệp biện Đại học sĩ, Quang lộc Tự khanh, lĩnh Tham tri bộ Binh, Vinh lộc Đại phu Trụ quốc Hiệp biện Đại học sĩ [9, tr.16-22]), vị khuyết danh (trên văn bia ghi là: Đình nguyên Hoàng giáp khoa Ất Hợi, Đốc học Quảng Trị); 4 vị Phó bảng (Phạm Hữu Nghi (范有儀 (1797 - 1862), tự Trọng Vũ, hiệu Đạm Trai, tên cũ là Phạm Hồng Nghi. Tổ tiên vốn người Nghệ An, sau di cư vào lập nghiệp ở Quảng Nam. Quê làng Trùng Giang, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã Điện Trung, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Đỗ Á nguyên kì thi Hương năm 1821, thi Hội chỉ trúng cách kì ba. Giữ chức: Điển bạ, Tu soạn, Chánh sứ sang Trung Quốc, Tư vụ, Chủ sự, Tri phủ An Nhơn, Hoài Đức, Hoài Nhơn (Bình Định), Án sát tỉnh Nghệ An (1841), Quang lộc tự khanh sung Toàn tu ở Quốc sử quán, Hữu Tham tri bộ Lễ, Giảng quan tòa Kinh diên [8, tr.225]), Nguyễn Tường Vĩnh (阮祥永 (1799 - ?), tự Tử Tu, hiệu Cẩm Giang, anh cùng cha khác mẹ với Tiến sĩ Nguyễn Tường Phổ, con Bình bộ Thượng thư Nguyễn Tường Vân. Quê làng Cẩm Phô, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc Tp. Hội An). Đỗ Cử nhân năm 1837, đỗ Phó bảng năm 1838. Giữ các chức: Kiểm thảo biên tu, Phụ đạo phủ Trường Khánh công, Án sát Định Tường, Tuần vũ Định Tường [8, tr.222]), Nguyễn Duy Tự (阮維序, chưa rõ tiểu sử), Hoàng Diệu (黄耀 (1828 - 1882), tự Quang Viễn, hiệu Tĩnh Trai. Quê làng Xuân Đài, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Ông vốn tên Hoàng Kim Tích. Đỗ Cử nhân năm 1847, đỗ Phó bảng năm 1852. Giữ chức: Tri huyện Tuy Phước (Bình Định), Tri phủ Tuy Viễn (Bình Định), Tri phủ Tĩnh Gia (Thanh Hóa), Tri huyện Hương Trà (Thừa Thiên), Tri phủ Lạng Giang (Bắc Ninh), Án sát Nam Định, Bồ chánh Bắc Ninh, Tham tri bộ Hình, Tham tri bộ Lại, Đô sát viện, Tuần vũ Quảng Nam, Tổng đốc An Tĩnh (Nghệ An - Hà Tĩnh), Phó toàn quyền Đại thần, Tổng đốc Hà - Ninh (Hà Nội - Bắc Ninh), Thượng thư bộ Binh [8, tr.275]); 2 vị võ Tiến sĩ; 36 vị cử nhân. Văn

bìa *Văn từ* có ghi tên các vị: Phạm Liệu (范燎 (1872 - 1936), tự Tang Phó, Sư Giám, hiệu Trùng Giang. Quê làng Trùng Giang, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Điện Trung, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Cha là Phạm Hữu Nghi. Đỗ Giải nguyên năm 1894, đỗ Tiến sĩ năm 1898 (trong Ngũ phụng tề phi). Giữ chức: Án sát Quảng Ngãi, Tham tri bộ Hình, Thượng thư bộ Binh [8, tr.428-429]), Phạm Tuấn (范峻 Phạm Tuấn (1852 - 1917), tự Hi Thần, hiệu Văn Luân. Quê làng Xuân Đài, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Đỗ Tú tài năm 1878, đỗ Cử nhân năm 1879, đỗ Tiến sĩ năm 1898 (trong Ngũ phụng tề phi). Giữ chức: Bang tá phủ Điện Bàn, Huấn đạo huyện Quế Sơn, Tri huyện Hà Đông (Tam Kỳ), Giáo thụ phủ Thăng Bình, Thừa biện bộ Lễ, Toàn tu sở Ngọc Diệp, Thị giảng học sĩ, Án sát sứ ngoại tỉnh Quảng Nam, Đốc học Hà Tĩnh, Quang lộc Tự thiếu khanh, Hồng lô Tự khanh [8, tr.390]), Phan Trân (潘珍 Phan Trân (1862 - 1935). Con trai Án sát tỉnh Khánh Hòa, con rể Tổng đốc Hoàng Diệu, cha Phan Khôi. Quê làng Bảo An, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Đỗ Cử nhân năm 1888, đỗ Phó bảng năm 1895. Giữ chức: Hậu bổ ở Huế, Tri phủ Diên Khánh (Khánh Hòa) [8, tr.382]), Ngô Chuân (吳 (1873 - 1899), còn có tên là Ngô Trân, Ngô Lí. Quê làng Mông Lành, tổng Phú Xuân, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; cư ngụ tại làng Cẩm Sa, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Điện Nam, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Đỗ Cử nhân năm 1894, đỗ Phó bảng năm 1898 (trong Ngũ phụng tề phi). Giữ chức: Tri huyện Thạch Hà (Hà Tĩnh) [8, tr.511]), Trương Đồng Hiệp 張同洽, Phạm Huy 范輝, Hoàng Luyện 黃揀, Ngô Lương Hàn 吳良翰, Trà Quý 茶貴澂, Ông Thọ 翁壽平, Phan Quý 潘達, Trần Quy 陳規, Nguyễn Thúc Đạm 阮叔淡, Lương Thúc Kỳ 梁叔琦 Lương Thúc Kỳ (1873 - 1947), tự Tử Khôi, hiệu Đài Nam. Quê làng Hà Nha, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam). Đỗ cử nhân năm 1900 (cùng đợt với Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Nguyễn Đình Tiến...). Giữ chức: Hậu bổ tỉnh Bình Thuận, quyền tri huyện Tuy Phong, Huấn đạo huyện Lệ Thủy (Quảng Bình), Cam Lộ (Quảng Trị), Giáo thụ Tuy An (Phú Yên), Toàn tu Cổ viện học [8, tr.515-516]). Riêng 7 bìa của văn thánh huyện Lễ Dương (hiện là huyện Thăng Bình) có

ghi tên 164 người đỗ đạt các học vị trong 183 lượt người được ghi danh trên bìa [2, tr.21-22].

Bên cạnh những tên tuổi của kẻ sĩ Quảng Nam trong danh sách “hội viên” của các Hội Tư văn hay công đức trên bìa, văn bia Quảng Nam còn nhắc đến tên của những kẻ sĩ quan chức địa phương qua họ tên, quan hàm của những người là tác giả văn bia, như Cử nhân bổ thụ Bàn Xuyên huyện Tri huyện Kim Giang Tĩnh Trai Hoàng thị 舉人補授磬川縣知縣金江省齋黃氏 (*Bìa mộ họ Hứa (bài 1)*, *Bìa mộ họ Hứa (bài 2)*), Tăng Kim Luyện (曾金棟 Tăng Kim Luyện (1880 - 1945), còn có tên là Cửu Minh, người làng Minh Hương. Ông là thầy giáo dạy chữ Nho, phẩm hàm: Phiếm cửu phẩm bá hộ [14, tr.48]) với các văn bia *Bìa trùng tu Tuy Tiên đường, Minh Hương đình Bảo Đại thập bát niên bi 1**, Mẫn Trai Ngô Đình Dần 桐城晉水遜敏齋吳廷寅 (*Câu điền bi* N⁰ 19325), Tú tài Hồ Thăng Doanh 社內秀才胡升羸 (*Hóa Khuê Đông xã hà đề kỷ niệm bi chí* 化閩東社河堤紀念碑), Quảng Nam Tuần phiên Hải pha Trần Văn Thống 廣南巡藩海坡陳文統 (*Non Nước sơn thi* N⁰ 19278), Binh bộ Lang trung Nguyễn Công Ban 兵部郎中阮公班 (*Tập thiện hội bi* 集善會碑 N⁰ 19258), Trương Chính Hộc 張正鵠 (*Trùng tu Quan Phu từ miếu* N⁰ 19320), Hải phòng Phó sứ Đặng Văn 海防副使鄧文 (*Trùng tu thân miếu* N⁰ 19260), Quảng Nam dinh Đốc học Khê Đình bá Đình Tường 廣南營督學溪亭伯丁翔 (*Trùng tu Lai Viễn kiều ký* 重修來遠橋記 N⁰ 259), Phó bảng Nguyễn Tử Tu 副榜阮子脩 (*Trùng tu Thanh Minh đình bi ký* 重修清明亭碑記), Phạm Như Xương 范如昌 (*Trùng tu văn chí bi ký* N⁰ 20385), Tú tài Nguyễn Tài 秀才阮載 (*Thanh Hà Nam Diêu miếu bi**), Quảng Xuyên Tú tài Võ Tử Văn Phù - Cổ Trai Tú tài Lê Hi Cao 廣川秀才武文子符古齋秀才黎希阜 (*Phạm tộc từ đường bi* N⁰ 20388) hoặc được nhắc tên trong văn bia như Trương Hoài Đình 賞授正九品張懷琿 (*Văn thánh từ* N⁰ 19321), Trương Chí Thi 鄉秀才張至詩先生 (*Trùng tu Cẩm Hải nhi cung* N⁰ 19324).

Những tính danh của kẻ sĩ trong văn bia văn thánh ở Quảng Nam nói riêng và văn bia Quảng Nam nói chung còn là tư liệu để xây dựng bộ từ điển nhân vật khoa cử hoặc trí thức của Quảng Nam - Đà Nẵng (Ví dụ có những tính danh tra không thấy trong *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Các nhà khoa bảng Việt Nam, Quảng Nam - đất nước và nhân vật...*), góp thêm tư liệu nghiên cứu về đội ngũ trí thức của Quảng Nam - Đà Nẵng và rộng hơn

là của Việt Nam. Họ sẽ trở thành những mục từ tra cứu và làm gương soi cho muôn đời sau.

5. Kết luận

Từ lâu người ta đã quan niệm: “幼不学老何为 Âu bất học, lão hà vi”, “玉不琢不成器 Ngọc bất trác, bất thành khí; nhân bất học, bất trí lý”. Học là để tu dưỡng bản thân và tham gia gánh vác trách nhiệm xã hội. Cho nên mọi người đều chuộng việc học và ra sức khuyến học. Sự dung quyet giữa cốt cách con người xứ Quảng cùng với tinh thần hiếu học và sự thuận lợi của yếu tố vị trí địa lý ngay kề kinh kì đã làm nên một vùng đất khoa bảng Quảng Nam - Đà Nẵng kiệt xuất. Chính những con người này vừa được khắc ghi công trạng trên bia đá trường tồn vừa là những tác gia lưu danh trên bi kí vĩnh tại. Những tác phẩm văn bia này là những trang sử đá vô cùng quý giá về truyền thống giáo dục khoa cử của Quảng Nam - Đà Nẵng xưa mà không bao giờ cũ với người đời nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Quản lí Di tích Hội An (1992), Hồ sơ di tích đô thị cổ Hội An - Danh mục bản dịch một số văn bản chữ Hán, bản vi tính, Hội An.
- [2] Nguyễn Bằng - Nguyễn Văn Hà biên dịch (2015), Bia văn thánh và một số văn bia Hán Nôm tại huyện Thăng Bình, UBND huyện Thăng Bình xb., Tam Kỳ.
- [3] Phạm Văn Bình (2010), “Văn bia văn từ phủ”, Báo Đà Nẵng điện tử, <http://www.baodanang.vn/>

- channel/5433/201007/chuyen-xua-xu-quang-van-bia-van-tu-phu-1998327/, ngày đăng 11/7/2010.
- [4] *Kiến học từ bi* (N0 20386), thác bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội.
 - [5] Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn Nguyên, Phillippe Papin (Ban chỉ đạo chương trình), Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm (22 tập) (2006 – 2010), Hà Nội.
 - [6] *Mô chí Lê công - Tiền hiền xã Cẩm Phô*, văn bia thực địa tại thành phố Hội An.
 - [7] Nguyễn Hữu Mùi (2006), Văn bia khuyến học Việt Nam, luận án tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội.
 - [8] Nguyễn Q. Thắng (2001), Quảng Nam đất nước và nhân vật, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
 - [9] Nguyễn Hoàng Thân (2011), Phạm Phú Thứ với Giá Viên toàn tập, Nxb Văn học, Hà Nội.
 - [10] Nguyễn Hoàng Thân (2014), Nghiên cứu văn bia Hán Nôm tỉnh Quảng Nam, luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.
 - [11] *Trùng tu Cẩm Hải nhị cung* (N0 19324), thác bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội.
 - [12] Dương Văn Út (2012), “Nhiều công trình văn miếu ở Quảng Nam: Nguy cơ thành phế tích”, Báo Sức khỏe và đời sống, <http://suckhoedoisong.vn/van-hoa-the-thao/nguy-co-thanh-phe-tich-20120405101019771.htm>, ngày đăng 05/04/2012.
 - [13] *Văn Thánh từ* (N0 19321), thác bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội.
 - [14] Tăng Xuyên, Phạm Thúc Hồng (2010), Đình tiền hiền Minh Hương Hội An, Nxb Đà Nẵng.

EXAM-BASED EDUCATION IN QUANG NAM - DA NANG UNDER THE NGUYEN DYNASTY THROUGH LOCAL EPITAPH DOCUMENTS

Abstract: Quang Nam - Da Nang, a sacred land of extraordinary people with an age-old traditional fondness for learning, has fostered so many talented people for the locality and the country whose reputations have been preserved in history and long-lasting stone epitaphs. Quang Nam - Da Nang is one of the local areas where there still remain many archives of epitaphs relating to the exam-based education under feudal systems. These epitaphs serve not only as materials for researching the exam-based education of Quang Nam - Da Nang but also as a valuable heritage which sets a good example to the future generations. This paper is to present issues of the exam-based education of Quang Nam - Da Nang based on local epitaph documents in terms of: (1) the situation of epitaphs relating to the exam-based education of Quang Nam - Da Nang; (2) the contents of the exam-based education of Quang Nam - Da Nang inscribed in these epitaphs: the land of an age-old tradition for learning, conceptions and concerns for educational promotion, a pool of candidates in pursuit of mandarinhood,... The results of this paper help to provide readers with a better understanding of the local exam-based education and contribute to the current cause of study encouragement so that the young generations can take a greater pride in the tradition of "students from the land of Quang".

Key words: Quang Nam - Da Nang; Quang Nam epitaph; exam-based education; tradition for competition exams; intelligentsia